

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC CÚC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 9 - 2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC CÚC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc *“Ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Hoàng T, sinh năm 1980; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

- Cháu Võ Hoàng Tr, sinh năm 13/8/2007; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh năm 06/9/2010; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tr, Ngọc Tr:

- Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ của cháu Tr, Ngọc Tr – có mặt

- Ông Võ Hoàng T; địa chỉ: Bon B, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là cha của cháu Tr, Ngọc Tr – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Vào năm 2005, chị H và anh Võ Hoàng T chung sống với nhau tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với cơ quan có thẩm quyền do không hiểu biết pháp luật, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục. Thời gian đầu, anh T và chị H ở nhờ nhà bà con; sau một thời gian, anh, chị mới mua đất, làm nhà và tiếp tục chung sống với nhau tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đến đầu năm 2015, anh T, chị H chuyển cả gia đình đến Bon B, xã Quảng T, huyện T sinh sống và làm ăn đến nay.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên xúc phạm và có nhiều lần đánh đập chị H, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau; hiện nay, anh T và chị H không còn chung sống với nhau; chị H đã mua đất, làm nhà ở Bon B, xã Quảng T còn anh T ở căn nhà ở huyện B, tỉnh Bình Phước. Để bảo đảm quyền lợi của mình, chị H làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: quá trình chung sống chị H và anh T có 02 con chung là cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 06/9/2010. Nguyên vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Hoàng T trình bày: anh T và chị H tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước từ năm 2005. Năm 2014, anh chị đến xã Quảng T, huyện T làm ăn, sinh sống. Năm 2015, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và hiện đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, thiếu tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh T đồng ý.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị có 02 con chung là cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 06/9/2010. Anh đồng ý giao 02 cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Võ Hoàng Tr và cháu Võ Thị Ngọc Tr trình bày: hiện nay các cháu đang chung sống mẹ và có nguyện vọng được ở với chị Bùi Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồng và anh T.

Về con chung: giao cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 06/9/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị Hồng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Hồng, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001174 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Võ Hoàng T, anh T có đăng ký tạm trú tại Bon B, xã Quảng T, huyện T từ ngày 20/02/2019 đến 20/02/2021. Do đó, đây là tranh chấp “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn yêu

cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H với anh T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Từ năm 2005 đến nay, chị Bùi Thị H và anh Võ Hoàng T chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có 02 con chung; anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên đã không đăng ký. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc; chị H và anh T không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho nhau. Tại phiên tòa, chị H xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn với anh T, cuộc sống với anh T không còn hạnh phúc, hai người không còn chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Chị H có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 06/9/2010; anh T đồng ý giao hai cháu Tr và Ngọc Tr cho chị H nuôi dưỡng. Ý kiến của cháu Tr và cháu Ngọc Tr là có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy: hiện cháu Tr và Ngọc Tr đang có cuộc sống ổn định với chị H, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, hai cháu còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc, nuôi dạy của người mẹ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu trong sinh hoạt, học tập, có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải công nhận sự thỏa thuận giữa anh chị H và anh T; tiếp tục giao cháu Tr và Ngọc Tr cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr và Ngọc Tr. Anh T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001174 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Võ Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 06/9/2010 cho chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tr, Ngọc Tr đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Võ Hoàng T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001174 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung